

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02- 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Xa Thị T, sinh năm 1984; xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn M, sinh năm 1984; xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Ngô Văn M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T1, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình ngày 08/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh M nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh

M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là Ngô Thị N. L, sinh ngày 03/8/2012. Hiện con đang ở với anh M. Khi ly hôn, chị xin nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh M không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Ngô Văn M trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị T đã khai. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, do không hợp nhau về tính cách nên dẫn đến mâu thuẫn, xung đột, cãi vã. Anh chị đã ly thân khoảng 05 năm nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị T có 01 con chung là Ngô Thị N. L, sinh ngày 03/8/2012. Khi ly hôn anh nhất trí giao chị T nuôi dưỡng cháu L theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh xác định anh và chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai gia đình anh M thể hiện: Chị T, anh M được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường T1, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến xảy ra xung đột, mâu thuẫn. Chị T anh M đã ly thân được vài năm. Nay chị T xin ly hôn, gia đình anh M và đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Xa Thị T, đề nghị cho chị Xa Thị T ly hôn anh Ngô Văn M. Về con chung: Giao cho chị Xa Thị T nuôi con Ngô Thị N. L, sinh ngày 03/8/2012, anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị T không yêu cầu. Về án phí: Chị Xa Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị T, anh M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh M tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và ý kiến của anh M Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng vài năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không còn tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng xảy ra xung đột, xô sát. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh M, kiên quyết xin ly hôn, anh M xác định vợ chồng có mâu thuẫn, xung đột và đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T, anh M ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về quan hệ con chung :* Vợ chồng chị T, anh M có 01 con chung là Ngô Thị N. L, sinh ngày 03/8/2012. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu L không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh M nhất trí chị T nuôi con, cháu L có nguyện vọng xin ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Chị T, anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Xa Thị T ly hôn anh Ngô Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Ngô Thị N. L, sinh ngày 03/8/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 2/2022 đến con chung thành

niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Xa Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003307 ngày 08/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND phường T, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng